

Số: 11/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành bảng giá tính thuế các loại tài nguyên
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế ngày 26
tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;
Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi,
bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của
Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác
khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 6 Thông tư số
152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế
tài nguyên;*

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 563/TTr-STC ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bảng giá tính thuế các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025:

Phụ lục I: Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản kim loại năm 2025.

Phụ lục II: Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại năm 2025.

Phụ lục III: Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm rừng tự nhiên năm 2025.

Phụ lục IV: Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên năm 2025.

Điều 2. Giao Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và bãi bỏ Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành bảng giá tính thuế các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ NN&PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;
- UBMT tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Khoản 2 Điều 3 (Thi hành);
- Các Phó chánh VPUBND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT.

(Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang